TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN V **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 446/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận V, ngày 23 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN V – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 143; Điều 149; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 359/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1) Bà Lưu Phượng L, sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: 122/32F Lầu 2 An B, Phường R, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Ông Lê Đức C, sinh năm 1975

Địa chỉ thường trú: 122/32F Lầu 2 An B, Phường R, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường R, Quận V cấp ngày 09/6/2014 cho bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 11 năm 2022, bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C thuận tình ly hôn và thỏa thuận các nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C tự khai có con chung là Lê Ngọc N (nữ, sinh ngày 18/04/2014), bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C thỏa thuận giao con Lê Ngọc N (nữ, sinh ngày 18/04/2014) cho bà Lưu Phượng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Đức C tự nguyện cấp dưỡng cho con Lê Ngọc N số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ vào ngày mồng 01 (một) dương lịch mỗi tháng, bắt đầu từ Tháng 12/2022.

- Về tài sản chung: Bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C tự xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C tự xác định không có nghĩa vụ dân sự chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Nhận thấy, việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận giữa bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C có con chung là Lê Ngọc N (nữ, sinh ngày 18/04/2014), bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C thỏa thuận giao con Lê Ngọc N (nữ, sinh ngày 18/04/2014) cho bà Lưu Phượng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Đức C tự nguyện cấp dưỡng cho con Lê Ngọc N số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ vào ngày mồng 01 (một) dương lịch mỗi tháng, bắt đầu từ Tháng 12/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên

gia đình không được cản trở. Ngược lại, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C tự xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C tự xác định không có nghĩa vụ dân sự chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng mà bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C đã tạm nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0010319 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Lưu Phượng L và ông Lê Đức C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận V;
- Chi Cục THADS Quận V;
- UBND Phường R, Quận V (Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014, quyển số 01/2014 ngày 09/6/2014);
- Lưu: VP, Hồ sơ.

Lê Thị Linh Sương